

ĐỀ THI THỬ LẦN 3

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp của nước ta là nguyên nhân chủ yếu làm cho

- A. thiên nhiên phân hoá sâu sắc. B. địa hình có sự phân bậc rõ rệt.
C. bảo toàn tính nhiệt đới của tự nhiên. D. tự nhiên chịu ảnh hưởng mạnh của biển.

Câu 2. Cơ cấu kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa chủ yếu nhằm

- A. thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao mức sống, phát triển bền vững.
B. thu hút vốn đầu tư, tăng trưởng kinh tế nhanh, cải thiện cơ sở hạ tầng.
C. tạo nhiều việc làm, hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả đầu tư.
D. phát huy nguồn lực, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng thị trường.

Câu 3. Khí hậu nước ta ngày càng diễn biến thất thường chủ yếu do tác động của

- A. diện tích rừng bị suy giảm, thiên tai, vị trí địa lí.
B. hoạt động của gió mùa, bão, biến đổi khí hậu.
C. các loại gió, hướng địa hình, dải hội tụ nhiệt đới.
D. tác động của biển, áp thấp nhiệt đới, độ dốc địa hình.

Câu 4. Vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ đã ảnh hưởng như thế nào đến sông ngòi nước ta?

- A. Các sông đều đổ ra Biển Đông, hướng chảy đa dạng, có tính chất trẻ, lưu lượng nước lớn.
B. Trong năm có hai mùa lũ và cạn, lượng phù sa lớn, sông có đoạn già có đoạn trẻ.
C. Nhiều hệ thống sông lớn, độ dốc lớn, thay đổi đột ngột từ thượng nguồn xuống hạ lưu.
D. Phần lớn là sông ngắn, lưu vực nhỏ, tổng lượng nước lớn, chế độ nước phân mùa.

Câu 5. Giải pháp nào sau đây có thể giúp nước ta vừa tăng sản lượng vừa bảo vệ được nguồn thủy sản?

- A. Mở rộng thị trường, đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản.
B. Hiện đại hoá tàu thuyền, tăng cường đánh bắt xa bờ.
C. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến, áp dụng khoa học công nghệ.
D. Nâng cao trình độ lao động, đa dạng hóa sản phẩm nuôi trồng.

Câu 6. Phần lãnh thổ phía Nam nước ta có tổng số giờ nắng trong năm khác phần lãnh thổ phía Bắc chủ yếu do

- A. nằm ở vĩ độ thấp hơn, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
B. địa hình thấp hơn và có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh xa nhau.
C. Tín phong bán cầu Bắc và gió phơn Tây Nam khô nóng.
D. góc nhập xạ lớn hơn, gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh.

Câu 7. Sinh vật nước ta phong phú, đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. địa hình phần lớn là đồi núi, giáp biển Đông, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
B. đất đai phong phú, con người lai tạo giống, vị trí giáp lục địa và đại dương.
C. có dòng biển nóng và lạnh gặp nhau, khí hậu nóng ẩm, địa hình phân bậc.
D. nơi gặp gỡ của các luồng di cư, sự phân hoá của địa hình, khí hậu và đất đai.

Câu 8. Phần đất liền nước ta trải dài trên nhiều vĩ độ đã làm cho nước ta có

- A. hai lần Mặt trời lên thiên đỉnh trong năm. B. thổ nhưỡng phân hóa rõ rệt theo vĩ độ.
C. biên độ nhiệt năm thay đổi từ bắc vào nam. D. địa hình phân hóa theo chiều bắc - nam.

Câu 9. Thổ nhưỡng ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi khác với đai nhiệt đới gió mùa chân núi nước ta chủ yếu do tác động của các nhân tố

- A. đá mẹ, quá trình feralit, độ dốc địa hình, chế độ nhiệt.
B. sông ngòi, sinh vật, địa hình, quá trình xâm thực và bồi tụ.
C. khí hậu, quá trình feralit và tích lũy mùn, độ cao địa hình.
D. quá trình mùn, thảm thực vật, chế độ mưa, chế độ gió.

Câu 10. Tài nguyên đất ở vùng đồi núi nước ta dễ bị suy thoái chủ yếu do

- A. mưa theo mùa, địa hình núi thấp, vỏ phong hóa dày.
- B. địa hình dốc, mưa lớn tập trung, mất lớp phủ thực vật.
- C. thực vật bị phá hủy, mùa khô kéo dài, nhiệt ẩm cao.
- D. canh tác không hợp lý, địa hình núi cao, nhiều sông suối.

Câu 11. Ở nước ta số lượng trang trại chăn nuôi ngày càng chiếm ưu thế so với trang trại trồng trọt chủ yếu do

- A. sản phẩm giàu dinh dưỡng, thời gian quay vòng vốn nhanh, ít rủi ro do điều kiện tự nhiên.
- B. nhiều nguồn lực được khai thác triệt để, chính sách ưu tiên nguồn vốn, chế biến phát triển.
- C. hiệu quả kinh tế cao, phù hợp xu thế ngành nông nghiệp, thay đổi quy định về diện tích.
- D. đáp ứng nhu cầu thị trường, dễ áp dụng khoa học công nghệ, thay đổi mô hình sản xuất.

Câu 12. Ý nghĩa chủ yếu của việc thu hút đầu tư nước ngoài đối với công nghiệp nước ta là

- A. nâng cao trình độ lao động, khai thác hiệu quả tài nguyên.
- B. mở rộng quy mô sản xuất, cải tiến quy trình công nghệ.
- C. gia tăng các khu công nghiệp, tạo được nhiều việc làm.
- D. cải thiện cơ sở hạ tầng, thúc đẩy hiện đại hóa nông thôn.

Câu 13. Nước ta giáp Biển Đông nên hàng năm thường chịu ảnh hưởng của các thiên tai là

- A. hạn hán, xâm nhập mặn, bão nhiệt đới, mưa lớn.
- B. sạt lở, mưa đá, nước biển dâng, xâm nhập mặn.
- C. áp thấp nhiệt đới, sóng thần, lũ quét, hạn mặn.
- D. bão, áp thấp nhiệt đới, sạt lở bờ biển, cát bay.

Câu 14. Việc phân bố lại dân cư và lao động trên phạm vi cả nước ta nhằm mục đích chủ yếu là

- A. sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên và lao động giữa các vùng.
- B. giảm chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng.
- C. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở miền núi.
- D. giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn.

Câu 15. Thiên nhiên nước ta phân hóa đa dạng ảnh hưởng chủ yếu đến

- A. sự đa dạng của cơ cấu công nghiệp phân theo ngành.
- B. phân vùng kinh tế với các thế mạnh đặc trưng của mỗi vùng.
- C. các sản phẩm du lịch đặc trưng cho mỗi địa phương.
- D. khả năng thâm canh, xen canh, tăng vụ trong nông nghiệp.

Câu 16. Kinh tế Nhà nước có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta chủ yếu do

- A. nắm giữ lĩnh vực then chốt, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định kinh tế vĩ mô.
- B. huy động tối đa các nguồn lực, thúc đẩy hiện đại hóa, tăng cường hội nhập.
- C. thay đổi phương thức quản lý, mở rộng thị trường, nắm giữ các ngành quan trọng.
- D. giải quyết nhiều vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, định hướng và điều tiết sản xuất.

Câu 17. Tỉ lệ thất nghiệp ở nhiều địa phương nước ta hiện nay vẫn còn cao chủ yếu do

- A. đất nông nghiệp bị thu hẹp, đô thị hóa chậm, cơ cấu dân số vàng.
- B. kĩ thuật lạc hậu, năng suất lao động thấp, lao động tăng nhanh.
- C. tỉ lệ dân thành thị tăng, công nghiệp hóa muộn, hạ tầng lạc hậu.
- D. lao động đông, trình độ thấp, trình độ phát triển kinh tế còn thấp.

Câu 18. Đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Nam Trung Bộ có thời gian mùa mưa khác nhau chủ yếu do

- A. dải hội tụ nhiệt đới, frông, vị trí địa lý, gió mùa.
- B. vị trí địa lý, các dãy núi hướng tây đông, Tín phong.
- C. gió mùa, hướng địa hình, bão, dải hội tụ nhiệt đới.
- D. địa hình, thời gian mùa bão, dòng biển, gió phơn.

Câu 19. Việc xác định hướng chuyên môn hóa nông sản của vùng chuyên canh ở nước ta chủ yếu dựa vào các nhân tố

- A. nguồn nước, sinh vật, lao động.
- B. khí hậu, địa hình, đất đai.
- C. thị trường, nguồn thức ăn.
- D. chính sách, cơ sở vật chất kĩ thuật.

Câu 20. Khu công nghiệp công nghệ cao ở nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tập trung phát triển một số ngành mũi nhọn, đóng vai trò là hạt nhân của vùng.
- B. Có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất và cung ứng dịch vụ công nghiệp.
- C. Thường phân bố ở gần nguồn nguyên liệu hoặc gần thị trường tiêu thụ.
- D. Là nơi nghiên cứu, phát triển công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

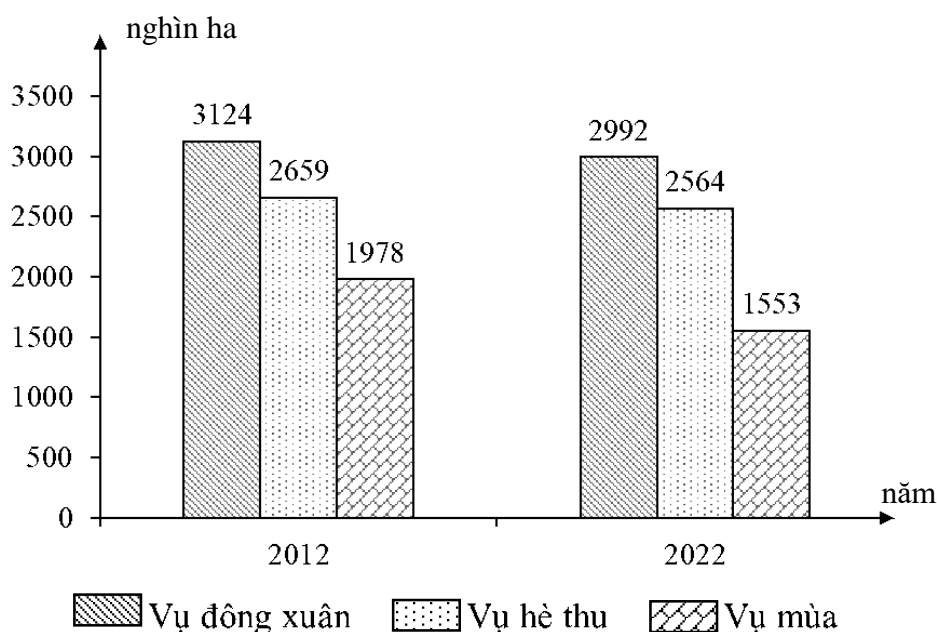
PHẦN II: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn thông tin:

Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa đa dạng từ bắc vào nam, từ đông sang tây, từ thấp lên cao và hình thành các miền tự nhiên. Có sự phân hóa đa dạng như vậy chủ yếu do tác động kết hợp của vị trí địa lý, hoạt động của gió mùa và địa hình. Sự phân hóa thiên nhiên đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống kinh tế xã hội nước ta.

- a) Sự phân hóa thiên nhiên theo đai cao thể hiện rõ rệt ở thành phần địa hình và các tầng khí quyển.
- b) Thiên nhiên phân hóa đa dạng đã dẫn đến sự phân bố dân cư không đều giữa các vùng ở nước ta.
- c) Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều bắc nam chủ yếu do sự suy giảm ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và các bức chắn địa hình.
- d) Địa hình là nhân tố chủ yếu tạo nên sự phân hóa thiên nhiên theo chiều đông tây của nước ta.

Câu 2. Cho biểu đồ:



Diện tích lúa phân theo mùa vụ của nước ta năm 2012 và 2022

- a) Từ năm 2012 đến năm 2022, tổng diện tích lúa nước ta có xu hướng tăng.
- b) Tỷ lệ diện tích lúa đông xuân trong cơ cấu diện tích lúa năm 2022 có xu hướng giảm so với năm 2012.
- c) Diện tích vụ lúa mùa giảm do năng suất thấp, ảnh hưởng nhiều của thiên tai và sâu bệnh.
- d) Tổng diện tích lúa của nước ta có sự thay đổi chủ yếu do xu hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Câu 3. Cho đoạn thông tin:

Ngành chăn nuôi nước ta đang từng bước phát triển để trở thành ngành sản xuất quan trọng. Tỷ trọng của chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp ngày càng cao, chiếm 34,7% (năm 2021). Cơ cấu vật nuôi ở nước ta khá đa dạng, trong đó có trâu, bò, lợn, gia cầm... Chăn nuôi phát triển rộng khắp cả nước, tuy nhiên mỗi vùng nổi bật về một số loại vật nuôi nhất định.

- a) Ngành chăn nuôi đang chú trọng phát triển hình thức chăn nuôi hộ gia đình, ứng dụng công nghệ hiện đại, sản xuất sạch, an toàn.
- b) Đàn lợn và gia cầm của nước ta thường được nuôi nhiều ở các vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm.

c) Tỉ trọng của ngành chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp tăng chủ yếu do hiệu quả kinh tế cao, an ninh lương thực đảm bảo, thức ăn dồi dào.

d) Chăn nuôi phát triển rộng khắp cả nước chủ yếu do sự tiến bộ của cơ sở vật chất kĩ thuật, nhu cầu ngày càng tăng.

Câu 4. Cho đoạn thông tin:

Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm của nước ta những năm gần đây đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Sản lượng các sản phẩm có xu hướng tăng, chất lượng ngày càng được nâng cao, có nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Trong tương lai, ngành cần có nhiều điều chỉnh để tiếp tục giữ vững vị trí quan trọng trong cơ cấu công nghiệp nước ta.

a) Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm của nước ta đã có từ lâu đời.

b) Sản lượng các sản phẩm công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm của nước ta tăng chủ yếu do nguồn nguyên liệu dồi dào, lao động đông.

c) Hiện nay, các mặt hàng công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm xuất khẩu của nước ta đang dần thay thế bởi các mặt hàng nông sản chất lượng cao.

d) Để phát triển sản xuất, chế biến thực phẩm hiệu quả cần thu hút hơn nữa nguồn đầu tư, chú trọng công nghệ, tăng quản lí chất lượng, phát triển chuỗi giá trị, chủ động hội nhập quốc tế.

Câu 5. Cho bảng số liệu:

GDP phân theo ngành kinh tế (theo giá hiện hành) của nước ta giai đoạn 2010 - 2020

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2015	2018	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	421,3	490,0	535,0	566,0
Công nghiệp, xây dựng	904,8	1778,9	2561,3	2955,8
Dịch vụ	1113,1	2190,4	2 955,8	3365,1
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp thuế	300,7	470,6	629,4	705,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)

a) Giá trị sản xuất các ngành kinh tế của nước ta tăng nhưng không ổn định.

b) Giá trị sản xuất của ngành công nghiệp, xây dựng có tốc độ tăng nhanh nhất.

c) Dịch vụ luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong GDP nhưng có xu hướng ngày càng giảm.

d) Công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn các ngành khác chủ yếu do có lợi thế về tài nguyên giàu có, vị trí địa lí thuận lợi cho giao lưu, nguồn lao động đông và giá rẻ.

Câu 6. Cho đoạn thông tin:

Nước ta có nguồn lao động dồi dào với hơn 50,6 triệu người (năm 2021), chiếm tới 51,3% tổng số dân. Đây là một trong những nguồn lực quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên số lượng lao động quá đông cũng đặt ra nhiều thách thức trong vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động. Những năm qua, tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của nước ta đã được cải thiện đáng kể nhưng vẫn còn khá cao ở một số vùng.

a) Lao động nước ta phần lớn chưa qua đào tạo, thiếu tác phong công nghiệp, năng suất lao động còn thấp.

b) Nước ta có lực lượng lao động đông và tăng nhanh chủ yếu do tác động của quy mô dân số và cơ cấu dân số vàng.

c) Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đã mang đến cho người lao động nước ta nhiều cơ hội việc làm, giúp nâng số lượng, chất lượng nguồn lao động.

d) Giải pháp chủ yếu giúp nâng cao thu nhập cho người lao động là đẩy mạnh đào tạo, dạy nghề, nâng cao trình độ người lao động, phát triển các ngành nghề có hàm lượng khoa học kĩ thuật cao.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy trung bình tháng trên sông Cả (trạm Yên Thượng)

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Sông Cả (trạm Yên Thượng)	215	169	150	147	275	419	560	918	1358	1119	561	295

(Nguồn: SGK Địa lí 10 Cánh Diều, Lê Thông, NXB Đại học Sư phạm HN)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng lưu lượng nước mùa lũ của sông Cả (trạm Yên Thượng) chiếm bao nhiêu % tổng lưu lượng nước cả năm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Tổng số dân cả nước và tỉ lệ dân thành thị của nước ta năm 2015 và 2022

Năm	Tổng số dân (triệu người)	Tỉ lệ dân thành thị (%)
2015	92,2	33,5
2022	99,5	37,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết số dân thành thị của nước ta năm 2022 tăng bao nhiêu triệu người so với năm 2015 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Số người nhập cư, xuất cư và tổng số dân của Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ năm 2023

Đơn vị: Nghìn người

	Số người nhập cư	Số người xuất cư	Tổng số dân
Đồng bằng sông Hồng	94,9	20,4	23732,4
Đông Nam Bộ	182,0	41,8	19018,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ suất gia tăng cơ học năm 2023 của Đông Nam Bộ cao hơn Đồng bằng sông Hồng bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Dân số và sản lượng lương thực nước ta năm 2012 và 2022

Năm	2012	2022
Dân số (nghìn người)	89202,9	99474,4
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	48,7	47,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết bình quân lương thực trên đầu người của nước ta năm 2022 giảm bao nhiêu kg/người so với năm 2012 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển của ngành vận tải đường bộ và đường sắt nước ta năm 2023

Chỉ tiêu	Đường sắt	Đường bộ
Khối lượng vận chuyển (Nghìn tấn)	4646,46	1806053,26
Khối lượng hàng hoá luân chuyển (Triệu tấn.km)	3703,43	104416,06

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình năm 2023 của đường sắt lớn hơn đường bộ bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Một trận bóng đá được truyền hình trực tiếp từ Mát-xcơ-va (Liên Bang Nga, múi số +3) lúc 17h ngày 11/12/2025. Hãy cho biết người ở Lô-t An-giơ-let (Hoa Kỳ, múi số -8) sẽ xem trận bóng đá vào lúc mấy giờ.

---Hết---